

Số: 08 /2017/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 17 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn

PHÁP T BẮC KẠN

ÔNG VAN BIEN

Số ... 501

ngày 21/2/2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010;
Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định về quản lý biên chế công chức và Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;
Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động quỹ xã hội, quỹ từ thiện;
Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của

Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015 về quản lý người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại Doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2036/TTr-SNV ngày 29/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27/02/2017 và thay thế Quyết định số 32/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch các tổ chức hội, quỹ; Chủ tịch hội đồng quản trị, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội đơn vị tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- LĐVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC-TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lý Thái Hải

QUY ĐỊNH

Phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **08** /2017/QĐ-UBND ngày **17** tháng **02** năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.
2. Các nội dung không phân cấp tại Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Về tổ chức bộ máy gồm:
 - a) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh gồm các sở và cơ quan tương đương sở;
 - b) Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành thuộc sở, gồm: Chi cục, ban; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở;
 - c) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố gồm: Phòng và cơ quan tương đương;
 - d) Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
 - đ) Cơ quan Ban Quản lý dự án và các cơ quan tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - e) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - g) Quỹ (tổ chức tài chính) thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - h) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc chi cục; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở (các đơn vị sự nghiệp trên sau đây gọi chung là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở);
 - i) Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;
 - k) Các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

l) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

2. Về cán bộ, công chức, viên chức nhà nước:

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k khoản 1 Điều 2 của Quy định này;

b) Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ;

c) Các chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng tại các doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc tại các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức

1. Bảo đảm sự thống nhất lãnh đạo của Đảng, Nhà nước gắn với việc phát huy vai trò trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác tổ chức bộ máy, biên chế và công tác cán bộ, công chức, viên chức.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của cơ quan có thẩm quyền về công tác tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức.

3. Bảo đảm sự thống nhất giữa chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và sự quản lý của các ngành trong lĩnh vực quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức.

4. Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức gắn với quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức gắn liền với việc tăng cường trách nhiệm thành tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 4. Nội dung quản lý tổ chức bộ máy

1. Đối với cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập: Thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, đổi tên; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy; quy hoạch mạng lưới và xếp hạng các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Đối với doanh nghiệp nhà nước: Thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, chuyển giao, cổ phần hóa, đổi tên, xếp hạng và phê duyệt điều lệ.

3. Đối với tổ chức hội: Cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên và phê duyệt điều lệ.

4. Đối với tổ chức quỹ xã hội, quỹ từ thiện: Cấp giấy phép thành lập; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động và công nhận điều lệ.

Điều 5. Nội dung quản lý biên chế

1. Hướng dẫn xác định biên chế và quản lý biên chế công chức; xác định vị trí việc làm, bản mô tả công việc, khung năng lực, chức danh nghề nghiệp tương ứng, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Lập kế hoạch biên chế hàng năm hoặc giai đoạn và điều chỉnh biên chế công chức, viên chức theo quy định.

3. Quyết định biên chế; phân bổ, sử dụng biên chế công chức và viên chức.

4. Hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc quản lý biên chế công chức và việc thực hiện vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

5. Thống kê, tổng hợp và báo cáo về biên chế công chức, viên chức.

Điều 6. Nội dung quản lý cán bộ, công chức, viên chức

1. Tuyển dụng, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, chuyển chuyên, tiếp nhận, chuyển đổi vị trí công tác, biệt phái, miễn nhiệm, từ chức, giáng chức, cách chức và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

2. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

4. Bổ nhiệm ngạch, chuyển xếp ngạch, nâng ngạch đối với công chức.

5. Ký kết, chấm dứt hợp đồng làm việc; bổ nhiệm, thăng hạng, thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

6. Chế độ chính sách về tiền lương, chế độ đãi ngộ, nghỉ hưu, thôi việc.

7. Thanh tra, kiểm tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

8. Báo cáo, thống kê, lưu trữ và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 7. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, đổi tên đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm đ, e, g, i khoản 1 Điều 2 Quy định này

sau khi có thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy không bao gồm các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy định này.

3. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển giao, cổ phần hóa, đổi tên, xếp hạng, phê duyệt điều lệ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

4. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đối với các sở và tương đương.

5. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp nhà nước quy định tại điểm d, đ, e, g khoản 1 Điều 2 Quy định này.

6. Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc sở; Trưởng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

7. Phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, đổi tên các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại điểm b, h khoản 1, Điều 2 Quy định này.

2. Đối với các tổ chức hội: Quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ đối với tổ chức hội cấp tỉnh, cấp huyện; cho ý kiến về kế hoạch, đề án nhân sự đại hội đối với hội cấp tỉnh.

3. Quyết định xếp hạng các tổ chức, đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công lập theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các tổ chức quỹ xã hội, quỹ từ thiện: Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại tố cáo đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong tỉnh; quỹ có tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

Điều 9. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung quy định tại Điều 7, Điều 8 Quy định này.

2. Thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho chủ trương về việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, đổi tên, bãi bỏ các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, b, đ, e, g, h, i, khoản 1, Điều 2 Quy định này.

3. Thẩm định hồ sơ, đề án thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, chuyển giao, cổ phần hóa, đổi tên, xếp hạng, phê duyệt điều lệ đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

4. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ đối với tổ chức hội cấp tỉnh, huyện và các tổ chức quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung liên quan đến thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, đổi tên, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, xếp hạng tổ chức.

6. Thẩm định về nội dung dự thảo văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; hồ sơ xếp hạng các tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, dịch vụ công lập thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Thẩm định đề án quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập của các cơ quan, đơn vị.

8. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý tổ chức bộ máy, việc triển khai thực hiện các quy định, quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về công tác tổ chức bộ máy tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 10. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở và tương đương; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

1. Xây dựng dự thảo đề án, hồ sơ thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, đổi tên, bãi bỏ cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; các phòng chuyên môn, chi cục, ban, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Dự thảo văn bản quy định hoặc sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của văn phòng, phòng chuyên môn nghiệp vụ, chi cục, ban và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở theo hướng dẫn chung của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Lập hồ sơ xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

6. Hàng năm tiến hành rà soát, đánh giá về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc; báo cáo, kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về những chồng chéo, trùng lặp, bất hợp lý.

7. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo quy định của pháp luật.

8. Công nhận Ban vận động thành lập hội và có ý kiến bằng văn bản về việc thành lập hội cấp tỉnh đối với những hội có lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động thuộc quyền quản lý của sở theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan ban quản lý dự án, tổ chức quỹ tài chính

1. Tổ chức thực hiện các quy định, quyết định của cơ quan có thẩm quyền về công tác tổ chức bộ máy.

2. Dự thảo văn bản quy định hoặc sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức bộ máy các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

4. Hàng năm tiến hành rà soát, đánh giá về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc; báo cáo, kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) những chồng chéo, trùng lặp, bất hợp lý.

Điều 12. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

2. Xây dựng đề án, hồ sơ thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, đổi tên đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Quyết định công nhận Ban vận động thành lập hội cấp huyện, xã và có ý kiến bằng văn bản về việc thành lập các hội cấp huyện theo quy định của pháp luật.

4. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định thành lập (đối với các cơ sở giáo dục công lập), cho phép thành lập (đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập), sáp nhập, chia tách, giải thể các cơ sở giáo dục (bao gồm cả các cơ sở giáo dục có sự đầu tư của các tổ chức, cá nhân nước ngoài), đối với: Trường trung học cơ sở; trường phổ thông có nhiều cấp học, trong đó không có cấp học trung học phổ thông; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường tiểu học; cơ sở giáo dục mầm non; công nhận việc thành lập trung tâm học tập cộng đồng; các cơ sở giáo dục có tên gọi khác (nếu có) thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

2. Quyết định xếp hạng đối với các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở theo quy định.

3. Lập hồ sơ xếp hạng các tổ chức, đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công lập trực thuộc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Đối với các tổ chức hội: Quyết định cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, giải thể và phê duyệt điều lệ hội cấp xã.

5. Đối với các tổ chức quỹ xã hội, quỹ từ thiện: Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ; cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên; đình chỉ, tạm đình chỉ hoạt động; cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ; công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động; công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; cho phép thay đổi hoặc cấp lại giấy phép thành lập; thu hồi giấy phép thành lập; giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong huyện, xã không bao gồm các tổ chức, cá nhân nước ngoài góp tài sản để thành lập, hoạt động trong phạm vi huyện, xã.

6. Hàng năm tiến hành rà soát, đánh giá về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc; báo cáo, kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) những chồng chéo, trùng lặp, bất hợp lý.

Chương III

QUẢN LÝ BIÊN CHẾ

Điều 14. Thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Trình Bộ Nội vụ phê duyệt đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý.

2. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tổng biên chế công chức trong các cơ quan của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi biên chế công chức được Bộ Nội vụ giao; phê duyệt tổng số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Điều 15. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định phân bổ chỉ tiêu biên chế công chức trong các cơ quan hành chính, số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và các tổ chức hội thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện sau khi có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Điều chỉnh biên chế công chức, số người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

3. Quyết định các vấn đề khác có liên quan đến biên chế theo quy định.

Điều 16. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung tại Điều 14, Điều 15 Quy định này.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao chỉ tiêu biên chế công chức, số người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các cơ quan, đơn vị; điều chỉnh biên chế công chức, số người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

3. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị của tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc hàng năm thuộc thẩm quyền quản lý; đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức theo quy định.

4. Thẩm định và tổng hợp đề án vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức hoặc đề án điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu chức danh công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Nội vụ phê duyệt.

5. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý biên chế công chức, số người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP đối với các cơ quan, tổ chức hành chính, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức hội.

6. Tổng hợp, thống kê, báo cáo biên chế, số lượng người làm việc trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, tương đương; Trưởng ban quản lý các khu công nghiệp; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan ban quản lý dự án, tổ chức quỹ tài chính

1. Xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế công chức, viên chức, số người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp hàng năm của cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Phân bổ biên chế công chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc.

3. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Điều 3 Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 18. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Xây dựng kế hoạch sử dụng biên chế công chức, viên chức; đề án vị trí việc làm, số lượng người làm việc, cơ cấu ngạch công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp hàng năm của cơ quan, đơn vị mình gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

2. Phân bổ biên chế công chức, số lượng người làm việc và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP cho các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc.

3. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo định kỳ về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc theo Điều 3 Thông tư số 07/2010/TT-BNV ngày 26/7/2010 của Bộ Nội vụ gửi Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Chương IV

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 68/2000/NĐ-CP

Điều 19. Thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức của tỉnh; kế hoạch thi nâng ngạch từ ngạch nhân viên lên ngạch cán sự và tương đương, từ ngạch nhân viên, cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương; xây dựng kế hoạch thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II trình Bộ Nội vụ phê duyệt; quyết định danh sách viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ; công nhận kết quả thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II.

2. Quyết định phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm; tổ chức thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; báo cáo Bộ Nội vụ kết quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức hàng năm theo quy định.

3. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo quy định đối với những chức danh sau: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty; thành viên Hội đồng thành viên; Kiểm soát viên tổng công ty hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Quyết định cử, cử lại người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu đề bầu hoặc đề nghị miễn nhiệm các chức danh: Chủ tịch, thành viên

Hội đồng quản trị tổng công ty; Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.

6. Quyết định cử, cử lại người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu để bổ nhiệm hoặc đề nghị miễn nhiệm các chức danh: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc tổng công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc công ty.

7. Quyết định khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu đối với các chức danh: Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tổng công ty; Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc công ty.

Điều 20. Thẩm quyền và trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, chuyển chuyển, tiếp nhận, biệt phái, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, chế độ ưu đãi, nâng ngạch, xếp ngạch, thăng hạng, thay đổi chức danh nghề nghiệp, nghỉ hưu, thôi việc sau khi có thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các chức danh sau:

a) Giám đốc, Phó Giám đốc các sở và tương đương;

b) Trưởng, Phó trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có phụ cấp chức vụ tương đương Phó Giám đốc sở trở lên;

c) Trưởng, Phó trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;

d) Trưởng, phó trưởng cơ quan Ban quản lý dự án và các cơ quan tương đương trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Giám đốc quỹ (tổ chức tài chính) thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Điều động, chuyển chuyển, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch, xếp ngạch, thăng hạng, nghỉ hưu, thôi việc sau khi có thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các chức danh, chức vụ sau:

a) Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;

b) Chủ tịch, Phó Chủ tịch các hội: Hội Nhà báo, Hội Văn học nghệ thuật, Hội Chữ thập đỏ, Liên minh các hợp tác xã tỉnh, Hội Đông y tỉnh.

3. Nâng ngạch, xếp ngạch, nghỉ hưu, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng theo quy định sau khi có thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các chức danh, chức vụ sau:

a) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; Trưởng, Phó Trưởng ban các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thực hiện chế độ chính sách (thù lao) đối với Chủ tịch các hội đặc thù bao gồm các chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý sau khi có thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài theo quy định hiện hành của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

6. Quyết định thành lập hội đồng, ban giám sát tuyển dụng công chức và thi nâng ngạch công chức; quyết định thành lập hội đồng thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

7. Quyết định thành lập hội đồng thi hoặc hội đồng xét chuyên công chức không qua thi tuyển; hội đồng kiểm tra, sát hạch xét chuyên cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên.

8. Công nhận kết quả tuyển dụng công chức; thi nâng ngạch công chức từ ngạch nhân viên lên ngạch cán sự và tương đương; từ ngạch nhân viên, ngạch cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên và tương đương; kết quả tuyển dụng không qua thi tuyển đối với công chức và xét chuyên cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên.

9. Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II đối với viên chức đã trúng tuyển:

10. Xem xét cho ý kiến việc tiếp nhận công chức, viên chức ngoài khối chính quyền và ngoài tỉnh vào công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền theo kế hoạch biên chế hàng năm đã được phê duyệt và tiếp nhận, chuyển công chức trong khối của các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền.

Điều 21. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Nội vụ

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nội dung tại Điều 19, Điều 20 quy định này.

2. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý theo phân cấp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Trong tiếp nhận công chức không qua thi tuyển và xét chuyên cán bộ công chức cấp xã thành công chức cấp huyện:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hội đồng kiểm tra, sát hạch xét chuyên cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên; hội đồng thi hoặc xét chuyên và tiếp nhận công chức không qua thi tuyển và phê duyệt kết quả tuyển dụng;

b) Quyết định tiếp nhận công chức không qua thi tuyển và xét chuyên cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên sau khi có kết quả phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

4. Trong tuyển dụng công chức, viên chức:

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và phê duyệt kết quả tuyển dụng công chức của tỉnh;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hội đồng tuyển dụng công chức của tỉnh;

c) Quyết định tuyển dụng công chức sau khi có kết quả phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Thẩm định kế hoạch tuyển dụng và kết quả tuyển dụng viên chức của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

5. Trong thi nâng ngạch công chức:

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thi nâng ngạch công chức của tỉnh;

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hội đồng thi nâng ngạch, phê duyệt kết quả thi nâng ngạch công chức của tỉnh;

c) Quyết định bổ nhiệm ngạch cho công chức trúng tuyển sau khi có kết quả phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Trong thăng hạng viên chức:

a) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II:

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; quyết định danh sách viên chức tham dự kỳ thi hoặc tham dự kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ; quyết định thành lập hội đồng, danh sách viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng viên chức;

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận kết quả thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của tỉnh;

Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II đối với viên chức trúng tuyển.

b) Đối với thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III: Thẩm định các nội dung về tiêu chuẩn, điều kiện, chỉ tiêu, yêu cầu về văn bằng chứng chỉ đối với vị trí thăng hạng, cách xác định người trúng tuyển, kết quả thăng hạng; thành phần hội đồng thăng hạng trước khi Thủ trưởng các đơn vị quyết định.

7. Thực hiện việc tuyển dụng, thăng hạng viên chức làm việc tại các tổ chức hội được giao biên chế không bao gồm các hội được quy định tại Điều 23 của Quy định này.

8. Trong quản lý ngạch công chức; hạng, chức danh viên chức:

a) Thẩm định, ban hành quyết định bổ nhiệm ngạch cho công chức hoàn thành thời gian tập sự và quyết định chuyển xếp ngạch công chức khi thay đổi vị trí việc làm;

b) Thẩm định việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho viên chức hoàn thành thời gian tập sự và khi viên chức hạng IV, III có thay đổi về chức danh nghề nghiệp trước khi Thủ trưởng đơn vị quyết định;

c) Thẩm định và quyết định chuyên chức danh nghề nghiệp cho viên chức hạng II khi thay đổi vị trí việc làm.

9. Trong thuyên chuyển, tiếp nhận công chức, viên chức

a) Thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc: Tiếp nhận công chức, viên chức ngoài khối chính quyền và ngoài tỉnh vào công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền; tiếp nhận, thuyên chuyển công chức trong khối của các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền.

b) Quyết định tiếp nhận công chức ngoài khối chính quyền và ngoài tỉnh vào công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền và tiếp nhận, thuyên chuyển công chức trong khối của các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Thẩm định và quyết định thuyên chuyển công chức ra ngoài khối chính quyền, ngoài tỉnh công tác.

d) Xem xét cho ý kiến về việc thuyên chuyển viên chức ra ngoài khối chính quyền, ngoài tỉnh công tác và tiếp nhận, thuyên chuyển viên chức của các cơ quan, đơn vị trong khối chính quyền.

10. Về chế độ tiền lương

a) Thẩm định và ban hành quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung cho công chức ngạch chuyên viên chính và tương đương thuộc đơn vị hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập không bao gồm các đối tượng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Điều 19, 20 của Quyết định này;

b) Xác nhận danh sách tiền lương công chức, viên chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi có tăng, giảm về người hưởng lương trước khi các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện việc chi trả lương;

c) Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

11. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt hàng năm.

12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 22. Thẩm quyền, trách nhiệm của Giám đốc sở, tương đương; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

1. Quy hoạch, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái, nghỉ hưu, thôi việc, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung theo quy định đối với các chức danh, chức vụ sau: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương; Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng; Trưởng ban, Phó Trưởng ban, cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp, các cơ quan đơn vị thuộc, trực thuộc Sở và công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống, người lao động thuộc quyền quản lý không bao gồm các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Sở Nội vụ. Đối với việc bổ nhiệm Chánh Thanh tra Sở thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra.

2. Quyết định tiếp nhận viên chức ngoài khối chính quyền và ngoài tỉnh vào công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chuyển chuyên viên chức ra ngoài khối chính quyền, ngoài tỉnh công tác và tiếp nhận, chuyển chuyên viên chức của các cơ quan, đơn vị trong khối chính quyền sau khi có ý kiến của Giám đốc Sở Nội vụ.

3. Tổ chức xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) ban hành quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; đề nghị Sở Nội vụ ban hành quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các đối tượng hưởng ngạch chuyên viên chính và tương đương thuộc các đơn vị hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định các vấn đề về tổ chức cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý ở đơn vị.

5. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ tiến hành quy trình công tác cán bộ đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý công tác tại cơ quan, đơn vị.

6. Hàng năm tổng hợp số lượng, nhu cầu cần tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch, thăng hạng viên chức phù hợp với trình độ, chuyên môn, cơ cấu ngạch và vị trí việc làm cần tuyển dụng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

7. Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý.

8. Đề nghị Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đối với công chức, viên chức đạt yêu cầu sau thời gian tập sự thuộc quyền quản lý.

9. Tổ chức tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp trực thuộc với các nội dung: Xây dựng và ban hành kế hoạch, thành lập hội đồng tuyển dụng, phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ. Ký hợp đồng làm việc và chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức được thực hiện theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III cho các đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc với các nội dung: Xây dựng và ban hành kế hoạch, thành lập hội đồng thăng hạng, phê duyệt kết quả thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

11. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy trong việc trao đổi, xin ý kiến các cơ quan Trung ương xem xét nhân sự đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử đối với các chức danh lãnh đạo cơ quan theo quy định phải có ý kiến hiệp ý của cơ quan Trung ương.

12. Dự thảo văn bản quy định điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc sở; Trưởng, Phó trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 23. Thẩm quyền, trách nhiệm của Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; cơ quan ban quản lý dự án; tổ chức Quỹ tài chính; Chủ tịch các hội cấp tỉnh: Đông y, Chữ thập đỏ, Văn học nghệ thuật; Liên minh các hợp tác xã.

1. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung, chế độ đãi ngộ, nghỉ hưu, thôi việc đối với viên chức, người trong biên chế làm việc tại các tổ chức hội, người lao động do cơ quan quản lý; tiếp nhận viên chức ngoài khối chính quyền và ngoài tỉnh vào công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chuyển viên chức ra ngoài khối chính quyền, ngoài tỉnh công tác và tiếp nhận, chuyển viên chức của các cơ quan, đơn vị trong khối chính quyền sau khi có ý kiến của Giám đốc Sở Nội vụ không bao gồm các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Tổ chức tuyển dụng viên chức, người trong biên chế làm việc tại các tổ chức hội thuộc đơn vị và các đơn vị trực thuộc với các nội dung: Xây dựng và

ban hành kế hoạch, thành lập hội đồng tuyển dụng, phê duyệt kết quả tuyển dụng sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

3. Tổ chức thăng hạng IV lên hạng III cho viên chức, người trong biên chế làm việc tại các tổ chức hội thuộc đơn vị và các đơn vị trực thuộc với các nội dung: Xây dựng và ban hành kế hoạch, thành lập hội đồng thăng hạng, phê duyệt kết quả thăng hạng sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

4. Ký kết hợp đồng làm việc, chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức, người trong biên chế làm việc tại các tổ chức hội thuộc quyền quản lý trực tiếp theo quy định của pháp luật bao gồm cả cấp phó.

Điều 24. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch các tổ chức hội cấp tỉnh được giao biên chế không bao gồm các hội đã được quy định tại Điều 23 của Quy định này

Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung, chế độ đãi ngộ, nghỉ hưu, thôi việc đối với người trong biên chế làm việc tại tổ chức hội; chuyển viên chức ra ngoài khối chính quyền, ngoài tỉnh công tác sau khi có ý kiến của Giám đốc Sở Nội vụ không bao gồm các nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thuộc trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ.

Điều 25. Thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung, chế độ đãi ngộ, nghỉ hưu, thôi việc, khen thưởng, kỷ luật theo quy định đối với các chức danh: Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng (ban) chuyên môn, cấp trưởng, cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và công chức, viên chức giữ ngạch chuyên viên và tương đương trở xuống, người lao động thuộc quyền quản lý không bao gồm các nội dung thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thuộc trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ. Đối với việc bổ nhiệm Chánh Thanh tra huyện thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra.

2. Quyết định tiếp nhận viên chức ngoài khối chính quyền và ngoài tỉnh vào công tác tại các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền sau khi có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chuyển viên chức ra ngoài khối chính quyền, ngoài tỉnh công tác và tiếp nhận, chuyển viên chức của các cơ quan, đơn vị trong khối chính quyền sau khi có ý kiến của Giám đốc Sở Nội vụ.

3. Thực hiện nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung; nghỉ hưu, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, nâng ngạch, xếp ngạch theo quy định đối với các chức danh sau: Trưởng ban, Phó trưởng ban Hội đồng nhân dân huyện, thành phố.

4. Đề nghị Sở Nội vụ quyết định bổ nhiệm vào ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đối với công chức, viên chức đạt yêu cầu sau thời gian tập sự thuộc quyền quản lý.

5. Hàng năm tổng hợp số lượng, nhu cầu cần tuyển dụng công chức, viên chức phù hợp với trình độ, chuyên môn, cơ cấu ngạch và vị trí việc làm cần tuyển dụng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ).

6. Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo, tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ... ở các cơ sở trong tỉnh, ngoài tỉnh không bao gồm các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ và báo cáo danh sách, gửi quyết định cử đi học về Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp.

7. Tổ chức xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) quyết định việc nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; đề nghị Sở Nội vụ quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, phụ cấp thâm niên vượt khung đối với các đối tượng hưởng ngạch chuyên viên chính và tương đương thuộc các đơn vị hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) xét chuyển và tiếp nhận không qua thi tuyển đối với công chức; cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên.

9. Tổ chức tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập với các nội dung: Xây dựng và ban hành kế hoạch, thành lập hội đồng tuyển dụng, phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ việc. Ký hợp đồng làm và chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức được thực hiện theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III cho các đơn vị sự nghiệp công lập với nội dung: Phê duyệt kế hoạch, thành lập hội đồng thăng hạng, phê duyệt kết quả thăng hạng viên chức sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ.

11. Quyết định chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này và báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc thì phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

Điều 27. Trên cơ sở Quy định phân cấp này và hệ thống pháp luật hiện hành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhiều tổ chức trực thuộc hoặc nhiều cấp trực thuộc có thể xem xét phân cấp một số nội dung về quản lý công chức, viên chức cho Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Ly Thuy Hai